

Số: /BC-SLĐTBXH

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp năm 2020.

Thực hiện công văn số 512/TTT-PCTN ngày 19/8/2019 của Thanh tra tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo phòng, chống tham nhũng theo Hướng dẫn số 04-HD/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và yêu cầu tại công văn 233/TTT-PCTN ngày 08/5/2020 của Thanh tra tỉnh; công văn số 878/STP-TTr ngày 11/5/2020. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng báo cáo công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng năm 2020, kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Tình hình an ninh quốc gia: Không thuộc phạm vi của đơn vị.
2. Tình hình trật tự an toàn xã hội: Không thuộc phạm vi của đơn vị.
3. Khái quát về tình hình tham nhũng: Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chưa phát hiện trường hợp tham nhũng nào.
4. Các vấn đề nổi cộm, bức xúc khác liên quan đến an ninh quốc gia trật tự an toàn xã hội, tham nhũng: Không có.

II. SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên: Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm và các văn bản mới ban hành trong các buổi sinh hoạt ngày pháp luật (có trên 500 lượt người tham dự); gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Công tác kiểm tra, giám sát: Trong quá trình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, Giám đốc Sở thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện của các đơn vị thuộc Sở; kịp thời uốn nắn, nhắc nhở những cán bộ, công chức có biểu hiện, suy nghĩ lệch lạc; ngăn chặn không để tham nhũng, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị.

3. Công tác lãnh, chỉ đạo xử lý: Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chưa có trường hợp tham nhũng nào.

4. Hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp thành phố: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Kết quả công tác nội chính

1.1. Kết quả công tác quân sự, quốc phòng của địa phương: Không có.

1.2. Công tác bảo đảm an ninh quốc gia: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.2.1. Việc tổ chức các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an ninh quốc gia: Các chi bộ trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức họp định kỳ hàng tháng theo đúng quy định; thông báo tình hình an ninh quốc gia và những biến động của thế giới kịp thời đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, để kịp thời ứng phó với các trường hợp xấu có thể diễn ra.

1.2.2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với hành vi xâm phạm an ninh quốc gia: Thường xuyên tuyên truyền, đề cao tinh thần cảnh giác của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đối với những diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

1.2.3. Kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia: Không có.

1.3. Công tác bảo đảm an toàn trật tự xã hội: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.3.1. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an toàn trật tự xã hội: Thường xuyên tuyên truyền, vận động, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện đúng quy định pháp luật và các biện pháp về an toàn trật tự xã hội.

1.3.2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa vi phạm và tội phạm: Thực hiện kiểm soát kỹ về thực hiện thu, chi tài chính, việc mua sắm, sửa chữa tài sản công, việc sử dụng tài sản công đúng mục đích và nhiệm vụ của đơn vị. Thường xuyên thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

1.3.3. Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm, tội phạm và công tác thi hành án hình sự của ngành công an: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.3.4. Kết quả thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.3.5. Kết quả công tác xét xử của Tòa án: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.3.6. Kết quả công tác thi hành án dân sự: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.3.7. Kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 450/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/12/2019 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận giao kế hoạch công tác thanh tra năm 2020 là: 47 cuộc. Trong đó:

+ Thanh tra phòng chống tham nhũng: 01 cuộc;

+ Thanh tra chuyên ngành: 46 cuộc, cụ thể:

* Thanh tra chính sách Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH và con đẻ của họ bị nhiễm CĐHH đang hưởng chế độ ưu đãi: 01 cuộc

* Thanh tra chính sách Người có công, Bảo trợ xã hội: 03 cuộc;

* Thanh tra thực hiện các quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội: 02 cuộc.

* Thanh tra chính sách Lao động, BHXH và Bình đẳng giới: 40 cuộc.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 307/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/9/2020 về việc điều chỉnh giao kế hoạch công tác thanh tra năm 2020, cụ thể:

+ Đối với thanh tra chính sách lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới từ 40 cuộc theo Quyết định số 450/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/12/2019 giảm xuống còn 25 cuộc (giảm 15 đơn vị trong năm 2020).

+ Không tiến hành thanh tra hành chính đối với Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

- Tổng số cuộc thanh tra đã thực hiện: 30/31; đạt 96,7%.

- Tổng số cuộc thanh tra đang thực hiện: 01 cuộc.

- Số lượt tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo trong năm 2020:

+ Tiếp công dân: 58 lượt, về các lĩnh vực như sau: Chế độ BHXH, chính sách lao động, chính sách NCC, chế độ an sinh xã hội (*dịch covid theo NQ 42/CP*).

+ Tiếp nhận 21 đơn thư, cụ thể:

* Khiếu nại, kiến nghị: 20 đơn; trong đó 06 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (đã được thụ lý, giải quyết); 14 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết (đã hướng dẫn và chuyển đơn).

* Tố cáo: 01 đơn về chính sách người có công, đã ban hành kết luận.

1.4. Kết quả hoạt động của một số cơ quan có liên quan đến lĩnh vực nội chính, tư pháp ở địa phương: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

1.5. Những vấn đề khác có liên quan đến công tác nội chính: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng

2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt ngày pháp luật hàng tháng.

2.2. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng: Chưa phát hiện trường hợp tham nhũng nào.

2.2.1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Sở đã công khai minh bạch các khoản thu, chi cho toàn thể công chức của Sở được biết và niêm yết tại Bảng thông báo của Sở.

- Việc mua sắm tài sản công, sửa chữa trụ sở làm việc được công khai, minh bạch (xây dựng kế hoạch, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh và được niêm yết công khai tại bảng Thông báo của Sở); thực hiện đúng các nguyên tắc về tài chính... qua đó, đã góp phần phòng ngừa, kiểm soát và ngăn chặn tình trạng tham nhũng.

2.2.2. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Sở đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2019 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện đúng theo đúng các quy định của Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở; chưa có trường hợp nào bị khiếu nại, tố cáo, phản ánh về ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2.4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có.

2.2.5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý thanh toán không dùng tiền mặt: Việc chuyển lương, thanh toán các chế độ, thanh toán về các nội dung khác (mua sắm, sửa chữa nhỏ...), được thực hiện chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng dưới sự kiểm soát của Kho bạc nhà nước.

2.2.6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thường xuyên thực hiện kê khai tài sản đối với người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (vào tháng 12 hàng năm).

2.3. Chế độ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng: Tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị, không để xảy ra tình trạng tham nhũng.

2.3.1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của Đảng, Nhà nước: Kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành mới về công tác phòng, chống tham nhũng; xử lý kịp thời các trường hợp tham nhũng và có báo cáo về cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2.3.2. Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Chưa có trường hợp nào.

2.4. Trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.4.1. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phòng, chống tham nhũng: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.4.2. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong phòng, chống tham nhũng: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.4.3. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo trong phòng, chống tham nhũng: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.4.4. Trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của công đồng trong phòng, chống tham nhũng: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.5. Công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.6. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng: Không có trường hợp nào.

2.6.1. Phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có trường hợp nào.

2.6.2. Phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng: Không có trường hợp nào.

2.6.3. Phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

2.6.4. Phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có trường hợp nào.

2.6.5. Phát hiện, xử lý tham nhũng qua phản ánh, tố cáo: Không có trường hợp nào.

2.6.6. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng: Không có trường hợp nào.

2.6.7. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có trường hợp nào.

2.7. Những vấn đề khác liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng: Không có.

3. Kết quả công tác cải cách tư pháp

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp tại địa phương trong kỳ báo cáo, tập trung vào các nội dung sau:

3.1. Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật hình sự, dân sự và tố tụng tư pháp: Thực hiện tham gia góp ý các

dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác do các Sở, ban ngành, đoàn thể gửi đến Sở đúng thời gian và yêu cầu.

3.2. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.3. Tổ chức và hoạt động của các chế định hỗ trợ tư pháp pháp theo tinh thần cải cách tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.5. Công tác giám sát của cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.6. Về đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động của cơ quan tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.7. Hợp tác quốc tế về tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

3.8. Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

4. Kết quả của ban nội chính thành ủy, tỉnh ủy

Không thuộc phạm vi của đơn vị.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá khái quát những ưu điểm của công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp trong kỳ báo cáo: Được sự quan tâm của cấp ủy đảng, Lãnh đạo Sở chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng chống, tham nhũng và ý thức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành; do vậy chưa để xảy ra trường hợp tham nhũng nào.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân: Không có.

2.1. Những hạn chế, yếu kém trong công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp trong kỳ báo cáo: Không có.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không có.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và công tác tự phê bình và phê bình.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính để ngăn ngừa những nhiễu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; chủ động xây dựng kế hoạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, chú trọng các lĩnh vực có nguy cơ xảy ra tham nhũng.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ; Thực hiện việc rà soát, đề nghị thay thế, bổ sung các văn bản trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thực tế.

2. Công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội: Thường xuyên theo dõi và nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành cảnh giác với các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch và báo cáo ngay với Lãnh đạo cơ quan hoặc các cơ quan có chức năng về bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội nếu phát hiện có trường hợp xảy ra.

3. Việc thực hiện các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng; phát hiện, xử lý tham nhũng: Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết triệt để các vụ tố cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phòng ngừa tham nhũng, trong đó tập trung vào các nội dung sau: Chính sách người có công; chế độ an sinh xã hội; bảo hiểm xã hội; đào tạo nghề cho lao động nông thôn...; quản lý, sử dụng tài sản công gắn với thực thi chức trách công vụ đối với một số lĩnh vực nhạy cảm được dư luận quan tâm.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp: Không thuộc phạm vi của đơn vị.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất việc hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp: Không có.

2. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp: Không có.

3. Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất: Không có.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội không có các nội dung theo yêu cầu báo cáo tại Phụ lục số 3c. Do vậy không thực hiện báo cáo theo các nội dung của Phụ lục số 3c. Chỉ thực hiện Phụ lục số 3a (Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013) theo hướng dẫn của Thanh tra tỉnh.

Trên đây là báo cáo đánh giá công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng năm 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu VT, TTra.

NHV_05b

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Bình

Phụ lục số 3a

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/12/2020)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	01
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	

	đã bị xử lý kỷ luật		
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	04
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	

30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	

	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		